

NỘI DUNG BÀI HỌC TRỰC TUYẾN

(Tuần 5 từ 4/10 đến 8/10)

KHỐI 9

TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

I. TÁC GIẢ NGUYỄN DU

- Nguyễn Du (1765 - 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên.
- Quê gốc làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
- Sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học.
- Cuộc đời ông gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII - đầu thế kỉ XIX.
- Có kiến thức sâu rộng, am hiểu văn hóa dân tộc và văn chương Trung Quốc.
- Sự nghiệp văn học gồm nhiều tác phẩm có giá trị bằng chữ Hán và chữ Nôm.

II. TÁC PHẨM TRUYỆN KIỀU

1.Nguồn gốc

- Cốt truyện: Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân.
- Truyện Kiều có tên là Đoạn trường tân thanh.
- Viết bằng chữ Nôm, thể thơ lục bát (6-8), gồm 3254 câu.

2.Tóm tắt Truyện Kiều

Gồm 3 phần (SGK):

- Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước

- Phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc
- Phần thứ ba: Đoàn tụ.

3. Giá trị nội dung và nghệ thuật

3.1 Giá trị nội dung:

- Truyện Kiều là bức tranh hiện thực về một xã hội bất công, tàn bạo, thương cảm trước số phận bi kịch của con người, khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và khát vọng chân chính của con người.

3.2 Giá trị nghệ thuật:

- Đỉnh cao của ngôn ngữ dân tộc và thể thơ lục bát.
- Nghệ thuật tự sự có bước phát triển vượt bậc.
- Nghệ thuật dẫn chuyện đến miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách và miêu tả tâm lí con người.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/80

CHỊ EM THÚY KIỀU

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Vị trí đoạn trích

- Đoạn trích “*Chị em Thúy Kiều*” nằm ở phần mở đầu tác phẩm, giới thiệu vẻ đẹp của hai chị em Kiều.

2. Bố cục

Bố cục 4 phần:

- 4 câu đầu: Giới thiệu chị em Thúy Kiều
- 4 câu tiếp: Vẻ đẹp Thúy Vân
- 12 câu tiếp: Tài sắc Thúy Kiều
- 4 câu cuối: Nếp sống của chị em Thúy Kiều

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Giới thiệu chị em Thúy Kiều

“Mai cốt cách, tuyết tinh thần”

→ Bút pháp ước lệ, tượng trưng

→ Vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng

“Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”

→ Tuy mang những vẻ đẹp riêng nhưng cả hai đều hoàn hảo

2. Vẻ đẹp Thúy Vân

“Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang”

→ Khuôn mặt đầy đặn, lông mày to, đậm → Hải hoà, cân đối

“Hoa cười ngọc thốt đoan trang”

→ Miệng cười tươi, giọng nói trong trẻo.

“Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”

→ Mái tóc dài, óng ả, mềm mượt, da rất trắng

⇒ Bút pháp nghệ thuật ước lệ, tượng trưng, miêu tả chi tiết, thủ pháp liệt kê, so sánh, ẩn dụ.

⇒ Vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang, quý phái

3. Vẻ đẹp của Thúy Kiều

- Vẻ đẹp của Kiều nổi bật hơn so với Vân: *“So bề tài sắc lại là phần hơn”*

- Nhan sắc:

- Đôi mắt trong như làn nước mùa thu, đôi lông mày đẹp thanh thoát như nét núi mùa xuân.
- Vẻ đẹp khiến thiên nhiên phải ghen tị: *“Hoa ghen..., liễu hờn...”*

→ Đó như một lời dự báo trước về cuộc đời đầy truân chuyên.

- Vẻ đẹp của một tuyệt sắc giai nhân: *“Một hai nghiêng nước nghiêng thành”*

- Tài năng:

- Tài năng khó có ai sánh nổi: *“Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”*
- Thông minh: *“Thông minh vốn sẵn tính trời”*
- Am hiểu về âm nhạc, thơ ca: *“Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm”*

⇒ Kiều đẹp toàn diện cả nhan sắc, tài năng.

4. Cuộc sống của chị em Kiều

- Cuộc sống phong lưu, nề nếp, yên bình.

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/83

KIỀU Ở LẦU NGUNG BÍCH

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Vị trí đoạn trích

- Đoạn trích nằm ở phần 2 (Gia biến và lưu lạc)

2. Bố cục

Bố cục: 3 phần

- 4 câu đầu: Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngung Bích
- 8 câu sau: Nỗi nhớ của Kiều
- 8 câu cuối: Tâm trạng của Kiều

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Tình cảnh của Kiều ở lầu Ngung Bích

- Hoàn cảnh: Kiều đang bị giam lỏng ở lầu Ngung Bích.
- Cảnh lầu Ngung Bích: không gian mênh mông, hoang vắng. Lầu Ngung Bích chơi voi giữa mênh mang trời nước.
- Tâm trạng Kiều: xót xa, tủi hổ cho thân phận của mình.

2. Nỗi nhớ của Kiều

2.1 Nhớ Kim Trọng

- Đau đớn vì lời thề ước không thành, tưởng tượng ra Kim Trọng ngày đêm ngóng chờ mình.

→ Giữ tấm lòng son sắt, thủy chung.

2.2 Nhớ cha mẹ

- Kiều hình dung cảnh tượng cha mẹ tựa cửa ngóng trông tin tức nàng.
- Kiều day dứt, xót thương cha mẹ.

→ Người con hiếu thảo

3. Tâm trạng của Kiều

- Cảnh vật được miêu tả qua tâm trạng của Kiều.

- Mỗi một cặp câu thơ thể hiện một tâm trạng:
 - Cảnh 1: Nhớ về quê hương và gia đình.
 - Cảnh 2: Nỗi buồn về số kiếp trôi nổi.
 - Cảnh 3: Nỗi cô đơn vô định.
 - Cảnh 4: Nỗi lo âu kinh sợ

→ Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình, điệp ngữ, ẩn dụ, từ láy để diễn tả tâm trạng của Kiều ở nhiều cung bậc khác nhau

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/96

MIÊU TẢ NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vai trò của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện. Tác dụng của miêu tả nội tâm và mối quan hệ giữa nội tâm với ngoại hình trong khi kể chuyện. - Phát hiện và phân tích được tác dụng của miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự. Rèn luyện kỹ năng kết hợp kể chuyện với miêu tả nội tâm nhân vật khi viết bài văn tự sự. <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc kỹ lại đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (SGK/93,94) và thực hiện các yêu cầu:

	<p>+ Tìm những câu thơ tả cảnh và những câu thơ miêu tả tâm trạng của Thúy Kiều</p> <p>+ Nhận xét mối quan hệ giữa những câu thơ tả cảnh với việc thể hiện nội tâm nhân vật</p> <p>+ Miêu tả nội tâm có tác dụng như thế nào với việc khắc hoạ nhân vật trong tác phẩm tự sự?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc ngữ liệu 2 (SGK/117) và nhận xét cách miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả - Từ đó, em hãy rút ra kết luận về yếu tố miêu tả nội tâm trong văn bản tự sự.
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập 1,2 ,3 sgk/ trang 92 - Viết một đoạn văn từ (10-12 câu) kể về Thúy Kiều trong đó có sử dụng yếu tố miêu tả.

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

CẢNH NGÀY XUÂN

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> biết được vị trí đoạn trích, bố cục đoạn trích; thấy được tài năng tả cảnh thiên nhiên của tác giả, tả cảnh mà nói lên tâm trạng</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none">▪ Tìm hiểu về vị trí, bố cục đoạn trích<ul style="list-style-type: none">- Em hãy cho biết đoạn trích này nằm ở vị trí nào của Truyện Kiều? Đoạn trích được chia làm mấy phần? (Em hãy chú ý về trình tự thời gian của cuộc du xuân để chia bố cục cho hợp lí.)▪ Tìm hiểu khung cảnh ngày xuân<ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc kỹ 4 câu thơ đầu đoạn trích và cho biết:<ul style="list-style-type: none">+ Bức tranh mùa xuân hiện lên như thế nào qua cách miêu tả của tác giả? (chú ý các hình ảnh: <i>con én đưa thoi, thiều quang...</i>)+ Em hiểu như thế nào về ý nghĩa hai câu thơ đầu?+ Nhận xét của em về vẻ đẹp thiên nhiên được miêu tả ở hai câu thơ cuối (chú ý các từ ngữ: <i>cỏ non xanh tận, chân trời, cảnh lê trắng điểm</i>)▪ Tìm hiểu khung cảnh lễ hội<ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc kỹ phần 2 của đoạn trích và trả lời:<ul style="list-style-type: none">+ Những hoạt động lễ hội nào được nói tới trong đoạn thơ? (Hiểu được lễ tảo mộ, hội đạp thanh)

	<p>+ Không khí lễ hội diễn ra như thế nào? Từ ngữ nào thể hiện rõ nhất?</p> <p>▪ Tìm hiểu khung cảnh khi ra về</p> <p>+ Cảnh vật lúc ra về được miêu tả như thế nào? Các từ láy có ý nghĩa biểu đạt như thế nào? (chú ý giá trị biểu cảm của các từ: <i>tà tà, thanh thanh, nao nao, thơ thẩn</i>)</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>- Em hãy phân tích, so sánh cảnh mùa xuân trong câu thơ cổ Trung Quốc “<i>Phương thảo liên thiên bích – Lê chi sở điểm hoa</i>” (Cỏ thơm liền với trời xanh – Trên cành lê có mấy bông hoa” với cảnh mùa xuân trong câu thơ “<i>Cỏ non xanh tận chân trời – Cành lê trắng điểm một vài bông hoa</i>” để thấy được sự tiếp thu và sáng tạo của Nguyễn Du. Trình bày bằng đoạn văn ngắn 10-15 câu.</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

MÃ GIÁM SINH MUA KIỀU

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Thái độ khinh bỉ, căm phẫn sâu sắc của tác giả đối với bản chất xấu xa, đê hèn của kẻ buôn người và tâm trạng đau đớn, xót xa của tác giả trước thực trạng con người bị hạ thấp, bị chà đạp.- Nhận biết được nghệ thuật miêu tả nhân vật của tác giả: khắc hoạ tính cách qua diện mạo, cử chỉ <p><u>Hoạt động</u></p> <ul style="list-style-type: none">▪ Tìm hiểu về vị trí, bố cục đoạn trích<ul style="list-style-type: none">- Em hãy cho biết vị trí đoạn trích?- Em có thể chia bố cục đoạn trích như thế nào?- Tóm tắt những sự việc chính dẫn đến cảnh Mã Giám Sinh mua Kiều?▪ Tìm hiểu về nhân vật Mã Giám Sinh<ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc đoạn tả Mã Giám Sinh lúc đến nhà Kiều và trả lời các câu hỏi:<ul style="list-style-type: none">+ Khi mới xuất hiện Mã Giám Sinh được giới thiệu như thế nào?+ Qua cách giới thiệu, em biết gì về lai lịch của Mã Giám Sinh?+ Em có như nhận xét gì về cách ăn nói của Mã Giám Sinh? (Chú ý vào phân trong dấu ngoặc kép)+ Qua cách ăn nói chứng tỏ hắn là người như thế nào?

	<p>+ Diện mạo MGS được miêu tả qua những chi tiết nào? Nhận xét gì về cách sử dụng từ ngữ của tác giả? Những chi tiết đó chứng tỏ điều gì về MGS?</p> <p>+ Cử chỉ, thái độ của MGS được miêu tả qua những chi tiết nào? Nhận xét của em về từ ngữ được sử dụng? Theo em, từ ngữ nào có tác dụng lột trần bản chất của MGS?</p> <p>+ Bút pháp sử dụng nghệ thuật được tác giả sử dụng rất thành công ở đây là gì? Với bút pháp tả thực sắc sảo, tác giả đã khắc họa chân dung một MGS như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tìm hiểu về nhân vật Thúy Kiều <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy cho biết tâm trạng của Kiều như thế nào? Những từ ngữ nào thể hiện tâm trạng của Kiều? - Tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì? - Qua đoạn trích thể hiện tình cảm thái độ gì của tác giả đối với Kiều?
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Em hãy viết đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du thể hiện qua đoạn trích (Gợi ý: nỗi đau đớn xót xa trước tình cảnh con người bị hạ thấp, chà đạp; sự khinh bỉ, căm phẫn sâu sắc bọn buôn người)

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

THÚY KIỀU BẢO ÂN BÁO OÁN

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Thấy được tấm lòng nhân nghĩa, vị tha của Kiều và ước mơ công lý chính nghĩa theo quan điểm quần chúng nhân dân: con người bị áp bức đau khổ vùng lên thực hiện công lý “ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ”.- Thấy được thành công nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du: khắc họa tính cách qua ngôn ngữ đối thoại. <p><u>Hoạt động</u></p> <ul style="list-style-type: none">▪ Tìm hiểu về vị trí, bố cục đoạn trích<ul style="list-style-type: none">- Em hãy cho biết vị trí đoạn trích?- Em có thể chia bố cục đoạn trích như thế nào?▪ Tìm hiểu về việc Thúy Kiều trả ơn Thúc Sinh<ul style="list-style-type: none">- Em hãy cho biết 2 câu thơ đầu nói về điều gì?- Tại sao tác giả viết “<i>Cho gươm mời đến Thúc lang</i>”? Kết quả của lệnh ấy khiến Trương sinh như thế nào?- Qua đây có thể khẳng định thêm tính cách của nhân vật Trương Sinh như thế nào? Tính cách ấy được tác giả thể hiện rõ qua hình ảnh nào?- Tại sao Kiều không dùng “<i>Tình nặng nghìn non</i>” mà dùng “<i>Nghĩa nặng nghìn non</i>”?

	<ul style="list-style-type: none"> - Kiêu nói về Hoạn Thư như thế nào? Những câu thơ nào thể hiện điều đó? Lời nói của Kiêu thể hiện bản chất gì của nàng? - Nàng ơn Thúc Sinh những gì? Qua hành động trả ơn Thúc Sinh, em cảm nhận lòng Thuý Kiều như thế nào? ▪ Tìm hiểu về cuộc đối thoại giữa Kiêu và Hoạn Thư. - Khi Hoạn Thư xuất hiện Kiêu đã nói những gì? Em cảm nhận và phân tích giọng điệu của Thuý Kiều với Hoạn Thư như thế nào? Kiêu có thái độ như thế nào qua giọng điệu ấy? - Vì sao Nguyễn Du lại lựa chọn ngôn ngữ mỉa mai đối với Hoạn Thư? - Trước lời lẽ và thái độ của Kiêu, Hoạn Thư có màn đối đáp, xử trí như thế nào? - Từ đó, em có nhận xét gì về nhân vật Hoạn Thư - Cuối cùng, Kiêu đã xử lý như thế nào? Hành động đó có hợp lý không?
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Em hãy viết đoạn văn ngắn (10-15 câu) phân tích một trong hai nhân vật Thuý Kiều hoặc Hoạn Thư

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI HỌC SINH
Ngữ Văn	Mục 1:	

(Tuần 6 từ 11/10 đến 15/10)

KHỐI 9

BẾP LỬA

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Bằng Việt

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ ra đời năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài.
- Xuất xứ: Được in trong tập “Hương cây – Bếp lửa”
- Mạch cảm xúc: Từ hồi tưởng quá khứ để hiện tại, từ kỷ niệm đến suy ngẫm, triết lí
- Thể thơ: tự do (8 chữ xen 7 và 9 chữ)

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cảm xúc về bà

“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm

Một bếp lửa ấp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

- Hình ảnh bếp lửa:
 - “Một bếp lửa”: điệp ngữ → Hình ảnh gần gũi, thân thuộc ở làng quê
 - “Chờn vờn”: gọi bếp lửa bập bùng trong sương sớm
 - “Ấp iu”: gọi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng của người bà
 - Cảm xúc về bà:
 - “Thương”: bộc lộ cảm xúc trực tiếp → Gọi tình cảm, lòng biết ơn của người cháu với bà
 - Cụm từ “biết mấy nắng mưa”: gọi những vất vả, trắc trở bà phải vượt qua để nuôi cháu trưởng thành

2. Những kỉ niệm tuổi thơ sống với bà

2.1 Kỉ niệm thời thơ ấu năm cháu lên 4 tuổi

“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói,

...

Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”

- Hình ảnh tả thực, miêu tả rõ nét nhất về nạn đói – một thời lịch sử đau thương của dân tộc:
 - “đói mòn đói mỏi”: cái đói dai dẳng và mòn mỏi khắp chốn thôn quê
 - “khô rạc ngựa gầy”: gọi lên cái hắt hiu, cái gầy gò của người bỏ đồng thời cả cái còm cõi của con ngựa ấy
- Sâu đậm nhất trong kỉ niệm của cháu vẫn là mùi khói bếp:
 - “khói hun nhèm mắt”: khói từ củi ốt cay xè từ bếp lửa nhà nghèo
 - “còn cay”: còn nguyên nỗi xúc động

→ Tuổi thơ có nhiều gian khổ, thiếu thốn

2.2 Kỉ niệm về 8 năm cùng bà kháng chiến

“Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa

...

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”

- Kỉ niệm của hai bà cháu:
 - Cùng bà nhóm lửa
 - Bà kể chuyện
 - Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

→ Điệp từ, liệt kê, dùng nhiều động từ

→ Bà yêu thương, đùm bọc, che chở dạy dỗ và là chỗ dựa tinh thần cho cháu

- Ấn tượng trong tâm trí người cháu
 - Điệp ngữ “tu hú kêu”, “tiếng tu hú”: tiếng kêu giục giã, da diết, hoài niệm, nhớ mong khao khát

→ Nỗi nhớ thương bà và quê hương khắc khoải đến quận lòng của người cháu

2.3 Kỉ niệm về năm giặc đốt làng

“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi,

Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi

Đờ đần bà dựng lại túp lều tranh”

- Ngọn lửa hung tàn đốt cháy ngôi nhà “cháy tàn cháy rụi” → xơ xác, tiêu điều

→ Hai bà cháu là nạn nhân chiến tranh

- Hình ảnh hàng xóm hiện lên qua từ láy “đờ đần”

→ Trong bom đạn chiến tranh, con người quê hương hiện lên với vẻ đẹp của tình đoàn kết xóm làng

“Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh

...
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”

- Lời dặn của bà: bà vẫn vững lòng trước mọi tai hoạ, thử thách để các con yên tâm công tác

→ Người mẹ Việt Nam yêu nước, đầy lòng hy sinh

“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”

- “ủ sẵn”: sự bắt diệt của ngọn lửa
- Thời gian “sớm, chiều”: bền bỉ, không đứt gãy

→ Bếp lửa chuyển hoá thành ngọn lửa: là ngọn lửa của tình yêu thương vô bờ bến, lửa của niềm tin bất diệt, lửa mà bà thắp lên trong tâm hồn cháu

3.Suy ngẫm về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa

3.1 Suy ngẫm về bà

“Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

...
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”

- Vẻ đẹp tảo tần, nhẫn nại
 - “lặn đận” suốt một đời vì con cháu
 - “đến tận bây giờ” vẫn chẳng nghỉ ngơi

→ Cuộc đời bà quanh năm vất vả, giàu đức hy sinh

- Điệp từ “nhóm”

→ Bà không chỉ nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp → Ngọn lửa trở thành biểu tượng

3.2 Suy ngẫm về bếp lửa

“Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa”

- “kỳ lạ”: vì không gì có thể dập tắt được bếp lửa. Bếp lửa vẫn cháy lên trong mọi cảnh ngộ

- “thiên liêng”: bếp lửa là tổ ấm, là gia đình, là cội nguồn quê hương đất nước

4.Nỗi nhớ của người cháu về bà và bếp lửa

*“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở
-Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”*

- Điệp từ “trăm”
- Khẳng định thế giới rộng lớn, với những điều mới mẻ
 - Câu hỏi tu từ “Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”
- Không thể nào quên được bếp lửa, tình cảm của bà

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ/SGK/146

VIẾT VĂN

Đề bài: Em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 – 15 câu) phân tích hình ảnh người bà trong văn bản “Bếp lửa” của tác giả Bằng Việt

→ Gợi ý:

▪ Về nội dung

a. **Mở đoạn:** Giới thiệu về hình ảnh người bà trong bài thơ “Bếp lửa”

b. **Thân đoạn:**

- Hình ảnh người bà hiện lên trong kí ức của người cháu:

- Người bà yêu thương, lớn lao
- Người bà tận tảo, yêu thương cháu mình
- Là chỗ dựa vững chắc cho cháu trong cuộc sống hiện tại cũng như hành trang cho tương lai
- Bà vất vả, chịu thương, chịu khó với cuộc đời gian truân, vất vả
- Bà sống nhẫn nại, dành hết mọi điều tốt đẹp cho cháu
-

- Tình cảm của người cháu dành cho bà (yêu thương bà vô bờ bến, muốn quay về gặp bà, quay về lúc ấu thơ)

c. **Kết đoạn:** Cảm nhận của em về hình ảnh người bà

▪ Về hình thức

- Viết đúng cấu trúc đoạn văn, không tách dòng
- Viết đủ số câu, chú ý chính tả
- Có sự liên kết giữa các câu

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TỪ VỰNG (tt)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Hiểu được một trong những cách quan trọng để phát triển từ vựng tiếng Việt là phát triển nghĩa của từ ngữ trên cơ sở nghĩa gốc của chúng; Hiểu được việc tạo từ ngữ mới và mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài cũng là những cách quan trọng để phát triển từ vựng tiếng Việt</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc phần ví dụ 1 (SGK/55) và thực hiện yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Em hãy cho biết ý nghĩa của từ “kinh tế” được trong bài thơ “Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác” của Phan Bội Châu (SGK Ngữ Văn 8 tập 1/146) là gì? + Em hãy cho biết nghĩa của từ “kinh tế” trong xã hội ngày nay. Qua đó, em hãy nhận xét về nghĩa của từ “kinh tế” khi xã hội dần phát triển. <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc phần ví dụ 2 (SGK/55-56) và thực hiện các yêu cầu bên dưới: <ul style="list-style-type: none"> + Em hãy tra từ điển và cho biết nghĩa lần lượt của các từ “xuân”, “tay” được in đậm trong ví dụ 2 + Từ đó, em hãy chỉ ra từ nào được sử dụng với nghĩa gốc, từ nào được sử dụng với nghĩa chuyển?

	<ul style="list-style-type: none"> + Qua đó, em hãy rút ra cách thức để phát triển từ vựng + Em hãy cho biết nghĩa chuyển được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào ? (Gợi ý: ẩn dụ hay hoán dụ) <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc và thực hiện các yêu cầu của ví dụ 1,2/SGK/72-73 + Em hãy tìm những từ ngữ mới được tạo trên cơ sở các từ “điện thoại, kinh tế, di động, sở hữu, đặc khu,...” + Tìm những từ ngữ mới xuất hiện có mô hình “x + tặc” <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy thực hiện yêu cầu của ví dụ 1,2/SGK/73 + Tìm những từ Hán Việt có trong ví dụ + Tìm những từ phù hợp với ý nghĩa đã được nêu + Cho biết nguồn gốc của những từ này <ul style="list-style-type: none"> - Qua đó, em hãy cho biết có những cách nào để phát triển từ vựng
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm BT 1,2,3,4,5/SGK/56-57 - Làm BT 1,2,3/SGK/74

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TRAU DÒI VỐN TỪ

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Nắm được những định hướng chính để trau dồi vốn từ: hiểu rõ nghĩa của từ và cách dùng từ, tăng cường vốn từ mới</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc phần ví dụ 2 (SGK/100) và thực hiện yêu cầu sau: <p>+ Em hãy tìm những lỗi sai trong các câu:</p> <ol style="list-style-type: none">a. Việt Nam chúng ta có rất nhiều thắng cảnh đẹpb. Các nhà khoa học dự đoán những chiếc bình này đã có cách đây khoảng 2500 nămc. Trong những năm gần đây, nhà trường đã đẩy mạnh quy mô đào tạo để đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội <p>+ Em hãy cho biết nguyên nhân xảy ra các lỗi trên</p> <p>+ Vậy để khắc phục, chúng ta cần làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc ngữ liệu phần II/SGK/100-101 và thực hiện các yêu cầu sau: <p>+ Em hãy cho biết đoạn trích đó mang ý nghĩa gì?</p> <p>+ Em rút ra được bài học gì từ ý nghĩa của đoạn trích trên để trau dồi vốn từ?</p>

Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i>	- Làm BT 1 → 9/SGK/101-104
--	----------------------------

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

(Tuần 7 từ 18/10 đến 22/10)

KHỐI 9

NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. TÌM HIỂU YẾU TỐ NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

1. Ví dụ/SGK/137

⇒ Nhận xét

a. Đoạn trích tác phẩm “Lão Hạc”

- Nêu vấn đề: Nếu ta không cố tìm mà hiểu người xung quanh thì ta luôn có có tàn nhẫn và độc ác với họ
- Phát triển vấn đề:
 - Vợ tôi không phải là người ác, sở dĩ thị trở nên ích kỷ, tàn nhẫn vì thị quá khổ.
 - Khi người ta đau chân thì chỉ nghĩ đến cái chân đau.
 - Khi người ta đã quá khổ thì người không còn nghĩ đến ai được nữa.
 - Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau, ích kỷ che lấp mất.
- Kết thúc vấn đề: Tôi biết vậy nên tôi chỉ buồn chứ không nổi giận.

b. Đoạn trích tác phẩm “Truyện Kiều”

- Lập luận của Kiều: Sau câu chào là mỉa mai, đay nghiến : Xưa nay đàn và ghê gớm có mấy người như mẹ, và xưa nay cay nghiệt lắm thì chuốc lấy oan trái → sẽ trừng phạt thích đáng.
- Biện minh của Hoạn Thư có bốn luận điểm:
 - Tôi là đàn bà nên ghen tuông là chuyện thường tình.

- Ngoài ra tôi cũng đối xử rất tốt với cô khi ở gác viết kinh, khi cô trốn khỏi nhà tôi cũng không đuổi theo → kể công.
 - Tôi và cô cùng trong cảnh chồng chung → chắc gì ai nhường cho ai.
 - Dầu sao tôi cũng trót gây đau khổ cho cô nên bây giờ chỉ trông vào sự khoan dung của cô → Nhận tội và đề cao, tâng bốc Kiều.
- Kết quả của lập luận: Kiều tha cho Hoạn Thư.

2. Dấu hiệu và đặc điểm của lập luận trong văn tự sự

- Dùng từ, câu lập luận
- Nêu những nhận xét phán đoán, các lí lẽ nhằm thuyết phục người đọc, người nghe.

→ Ghi nhớ/SGK/138

II. LUYỆN TẬP

BT1,2/SGK/139

LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

I. THỰC HÀNH TÌM HIỂU YẾU TỐ NGHỊ LUẬN TRONG ĐOẠN VĂN

1. Ví dụ/SGK/160 Văn bản “Lỗi lầm và sự biết ơn”

2. Nhận xét

- Yếu tố nghị luận: Câu trả lời của người bạn và câu kết của đoạn văn.
- Mang tính triết lý, tính giáo dục cao.

II. THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ CÓ SỬ DỤNG YẾU TỐ NGHỊ LUẬN

1. Viết đoạn văn kể lại buổi sinh hoạt (SGK/160)

- Giới thiệu buổi sinh hoạt
- Nội dung:
 - Buổi sinh hoạt diễn ra như thế nào?
 - Em đã phát biểu gì về vấn đề gì? Tại sao?
 - Em đã thuyết phục cả lớp như thế nào?

2. Bài văn: Bà nội

- Yếu tố nghị luận
 - “Người ta bảo...làm sao được”
 - “Bà bảo u tôi...mới về”
 - “Người ta như cây...nó gãy”

ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI VÀ ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I. TÌM HIỂU CÁC YẾU TỐ ĐỐI THOẠI, ĐỘC THOẠI, ĐỘC THOẠI NỘI TÂM TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

Ví dụ/SGK/176-177

⇒ **Nhận xét:**

a) Những người tản cư, 2 người trở lên

- Dấu hiệu: 2 lượt lời (gạch đầu dòng)

b) Câu độc thoại (nói 1 mình)

- Hà nắng gớm về nào..

- Chúng bay... nhục nhã thế này.

c) Là những câu độc thoại nội tâm (ông Hai nói trong tư tưởng)

d)

- Độc thoại: Thái độ căm giận của những người tản cư

- Độc thoại và độc thoại nội tâm dằn vặt, đau đớn, của ông Hai.

→ Ghi nhớ/SGK/178

II. LUYỆN TẬP

BT1,2/SGK/178-179

LUYỆN NÓI: TỰ SỰ KẾT HỢP NGHỊ LUẬN VÀ MIÊU TẢ NỘI TÂM SỬA BÀI VIẾT

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Giúp học sinh biết cách trình bày một vấn đề trước tập thể lớp với nội dung kể lại một sự việc theo ngôi thứ nhất, hoặc ngôi thứ 3 trong khi kể có kết hợp với miêu tả nội tâm, nghị luận có đối thoại và độc thoại.</p> <p><u>Hoạt động</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chuẩn bị <p><u>Đề bài:</u></p> <p>Em hãy đóng vai nhân vật Trương Sinh để kể lại nội dung phần đầu tác phẩm “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” (đoạn từ đầu đến “Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ...đã trót qua rồi”) để bày tỏ niềm ân hận khi đã hiểu lầm Vũ Nương.</p> <p>→ Các bước thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu đề, tìm ý - Lập dàn ý chi tiết đề bài trên - Dựa vào các ý trong dàn bài để triển khai thành bài nói <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thực hành <p>Luyện tập nói nhuần nhuyễn, trôi chảy, truyền cảm</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Em hãy quay lại đoạn videoclip phân trình bày và gửi về giáo viên hoặc đăng trên các diễn đàn của lớp học

<i>giá quá trình tự học</i>	
---------------------------------	--

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục ...	

LUYỆN TẬP TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Giúp học sinh biết cách biết tóm tắt văn bản tự sự phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao, tránh gây dài dòng khi hoàn cảnh giao tiếp cần ngắn gọn, lựa chọn cách kể văn bản bản tự sự phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp.</p> <p><u>Hoạt động</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Tìm hiểu sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự (SGK/58) <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc các tình huống a,b,c/SGK/58 và thực hiện các yêu cầu: + Từ các tình huống trên, em hãy rút ra sự cần thiết của việc tóm tắt văn bản tự sự

	<p>+ Em hãy cho biết thêm những trường hợp khác trong cuộc sống cần vận dụng kỹ năng tóm tắt văn bản tự sự</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thực hành tóm tắt văn bản tự sự <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy đọc các sự việc chính trong “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” (SGK/58) và trả lời các câu hỏi: <p>+ Các sự việc được nêu đã đầy đủ chưa? Nếu thiếu thì đó là sự việc nào, có quan trọng không?</p> <p>+ Vì sao không thể thiếu sự việc đó?</p> <p>+ Các sự việc đã nêu có hợp lý chưa? Có cần thay đổi gì nữa không?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em hãy viết một đoạn văn tóm tắt “<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>” trong 20 dòng
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra</i> <i>đánh giá quá</i> <i>trình tự học</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tóm tắt một câu chuyện xảy ra trong cuộc sống mà em được nghe hoặc chứng kiến.

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

(Tuần 8 từ 25/10 đến 29/10)

KHỐI 9

TRUYỆN TRUNG ĐẠI

Câu 1: Em hãy lập bảng thống kê, ghi những kiến thức ngắn gọn của các văn bản truyện trung đại đã được học vào từng cột theo mẫu:

STT	Tên văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc sắc nghệ thuật	Nội dung chủ yếu

Câu 2: Làm nên sức hấp dẫn cho truyện truyền kì là những yếu tố kì ảo. Thông qua tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”, em hãy chỉ ra ít nhất 3 yếu tố kì ảo và cho biết nó đóng vai trò gì trong tác phẩm?

Câu 3: Qua các đoạn trích đã học, em hãy phân tích những thành công nghệ thuật của Truyện Kiều (nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ, nghệ thuật tả cảnh thiên nhiên) bằng đoạn văn ngắn khoảng 15 câu

ĐỒNG CHÍ

I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH

1. Tác giả Chính Hữu

2. Tác phẩm

- Hoàn cảnh sáng tác: Cuối năm 1948 – thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, in trong tập “Đầu súng trăng treo”
- Đề tài: Ngợi ca tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng dựa trên cơ sở chung cảnh ngộ và lý tưởng chiến đấu.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Cơ sở của tình đồng chí (7 câu thơ đầu)

*“Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”*

- Thành ngữ sóng đôi

→ Những người lính nông dân ra đi từ những miền quê nghèo khó

→ Tương đồng về cảnh ngộ xuất thân

*“Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ”*

- Ngôn ngữ bình dị, mộc mạc

→ Cùng chung lý tưởng

→ Sẵn sàng chia sẻ khó khăn, gian khổ

⇒ Cơ sở tình đồng chí:

- Chung hoàn cảnh xuất thân: từ miền quê nghèo khó
- Chung lý tưởng, mục đích: lên đường vì Tổ quốc
- Chung hoàn cảnh chiến đấu gian khổ

“Đồng chí!”

- Câu đặc biệt → Chủ đề bài thơ
- Khẳng định tình đồng chí, đồng đội giữa hai người lính
- Nhịp câu nối đoạn 1 và đoạn 2

2. Những biểu hiện của tình đồng chí (10 câu thơ tiếp theo)

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

- Không gian thân thuộc, bình dị
- Sự gắn bó nghĩa tình, sâu sắc
- Sự thấu hiểu tâm tư, thông cảm cho nhau

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

...

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

- Những biểu hiện của tình đồng chí:
 - Thấu hiểu: hoàn cảnh, nỗi lòng
 - Đồng cam cộng khổ: sốt rét rừng, thiếu thốn, thiên nhiên khắc nghiệt
 - Yêu thương gắn bó: tay nắm lấy bàn tay
- Tình cảm chân thành, sâu sắc, nâng đỡ người lính trên mọi nẻo đường
- Nhịp thơ ngắn, phép đối
- ⇒ Ca ngợi sức mạnh thiêng liêng của tình đồng chí, đã giúp họ vượt qua tất cả mọi khó khăn gian khổ

3. Bức tranh đẹp về người lính (3 câu thơ cuối)

*“Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”*

- Trong hoàn cảnh khắc nghiệt đã thể hiện sự chung sức, đồng lòng, gắn bó

- Ý nghĩa biểu tượng:

SÚNG	TRẮNG
Chiến sĩ	Thi sĩ
Gần	Xa
Ý chí chiến đấu	Khát vọng hoà bình
Hiện thực khốc liệt	Tâm hồn lãng mạn

→ Hình ảnh “đầu súng trắng treo” là hình ảnh lãng mạn và hiện thực, thể hiện tâm hồn “thi sĩ” của những người chiến sĩ

III. TỔNG KẾT

Ghi nhớ (SGK/131)

BÀI THƠ VỀ TIÊU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
<p>Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i></p>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Cảm nhận được vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm của người lính lái xe thời chống Mĩ và sự độc đáo của hình ảnh, ngôn từ được sử dụng trong bài thơ</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none">▪ <u>Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</u><ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc phần chú thích (SGK/132) và thực hiện yêu cầu sau:<ul style="list-style-type: none">+ Em hãy nêu những nét chính về cuộc đời tác giả Phạm Tiến Duật+ Em hãy cho biết những nét chính về hoàn cảnh sáng tác, thể loại, đề tài của văn bản▪ <u>Tìm hiểu văn bản</u><p>Đọc văn bản (SGK/131-132) và thực hiện các yêu cầu bên dưới:</p><ul style="list-style-type: none">+ Em hãy chỉ ra những cụm từ thể hiện hình ảnh những chiếc xe xuất hiện trong văn bản+ Em hãy cho biết ý nghĩa của những chi tiết đó là gì?+ Hình ảnh người chiến sĩ lái xe hiện lên qua những chi tiết nào? Em hãy chỉ ra những chi tiết ấy.

	<p>+ Em hãy nêu nhận xét của mình về hình tượng người chiến sĩ hiện lên qua văn bản</p> <p>+ Tinh thần đồng đội của những anh chiến sĩ hiện lên như thế nào? Em hãy tìm những câu thơ, từ ngữ thể hiện điều đó.</p> <p>+ Trong bối cảnh chiến tranh khốc liệt như thế, nhưng tinh thần của những người chiến sĩ đã được thể hiện như thế nào? Em hãy tìm những chi tiết cho thấy tinh thần ấy</p> <p>+ Em hãy nhận xét về cách sử dụng hình ảnh và ngôn từ trong văn bản.</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>- Dựa vào khổ thơ cuối bài thơ, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 12 câu) theo cách lập luận diễn dịch làm rõ hình ảnh những chiếc xe và bức chân dung người chiến sĩ lái xe Trường Sơn</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐỌC SÁCH VỀ NGƯỜI LÍNH

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i>	<u>Yêu cầu cần đạt:</u> Học sinh biết chủ động lựa chọn sách, hình thành thói quen ghi chép khi đọc và phát triển khả năng sáng tạo cùng việc rèn luyện kỹ năng thuyết trình <u>Hoạt động:</u> <ul style="list-style-type: none">- Giai đoạn 1: Em hãy tìm và chọn đọc một quyển sách với chủ đề về người lính bất kỳ mà em được nghe, được giới thiệu- Giai đoạn 2: Em hãy ghi nhận lại những ấn tượng đầu tiên của em về hình thức quyển sách vào “Nhật ký đọc” của bản thân- Giai đoạn 3: Em hãy đọc sách thật cẩn thận, chi tiết- Giai đoạn 4: Em hãy ghi nhận lại những nội dung, chi tiết, nhân vật,... mà em cảm thấy hay nhất, gây cho em nhiều cảm xúc nhất vào “Nhật ký đọc”
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i>	<ul style="list-style-type: none">- Từ những thông tin đã viết ở “Nhật ký đọc”, em hãy sáng tạo nó thành sản phẩm trưng bày dùng để giới thiệu quyển sách với các thành viên trong lớp (Gợi ý: sản phẩm có thể là sơ đồ tư duy, poster, ...)

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

KHÚC HÁT RU

NHỮNG EM BÉ LỚN LÊN TRÊN LƯNG MẸ

(Hướng dẫn học sinh tự học)

A. Hướng dẫn học sinh tự học

NỘI DUNG	GHI CHÚ
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện những yêu cầu.</i>	<p><u>Yêu cầu cần đạt:</u> Cảm nhận được tình yêu thương con và ước vọng của người mẹ dân tộc Tà-ôi trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước</p> <p><u>Hoạt động:</u></p> <ul style="list-style-type: none">▪ <u>Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</u><ul style="list-style-type: none">- Em hãy đọc phần chú thích (SGK/154) và thực hiện yêu cầu sau:<ul style="list-style-type: none">+ Em hãy nêu những nét chính về cuộc đời tác giả Nguyễn Khoa Điềm+ Em hãy cho biết những nét chính về hoàn cảnh sáng tác, thể loại của văn bản▪ <u>Tìm hiểu văn bản</u><p>Đọc văn bản (SGK/152-154) và thực hiện các yêu cầu bên dưới:</p>

	<p>+ Qua từng đoạn thơ, người mẹ được miêu tả trong những công việc gì, hoàn cảnh nào? Em hãy tìm những chi tiết ấy</p> <p>+ Em hãy chỉ ra những chi tiết, hình ảnh thể hiện sự vất vả, gian khổ của người mẹ ở chiến khu.</p> <p>+ Trong sự gian khó đó, người mẹ vẫn đối xử với con như thế nào? Em hiểu gì về tình cảm người mẹ dành cho con qua hai câu thơ “<i>Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi/ Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng</i>”</p> <p>+ Từ đó, em cảm nhận tình cảm người mẹ đối với con như thế nào?</p> <p>+ Em hãy nhận xét về sự phát triển của tình cảm và ước mong của người mẹ qua ba khúc ru</p>
<p>Hoạt động 2: <i>Kiểm tra đánh giá quá trình tự học</i></p>	<p>- Qua bài thơ trên, em có nhận xét gì về hình ảnh và tình cảm của người mẹ miền tây Thừa Thiên? Hãy trình bày suy nghĩ của mình bằng đoạn văn ngắn khoảng 10 câu.</p>

B. Thắc mắc của học sinh

MÔN HỌC	NỘI DUNG HỌC TẬP	CÂU HỎI CỦA HỌC SINH
Ngữ văn	Mục	

Trường THCS Chi Lăng
Lớp..... Mã Số.....

Họ tên:.....

BÀI KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN LẦN 1- KHỐI 9

Đề bài: Hãy viết đoạn văn ngắn khoảng 300 chữ trình bày suy nghĩ của em về **“Tình người trong đại dịch Covid”**

→ **Gợi ý:**

- Giới thiệu về tình yêu thương giữa người với người
- Thế nào là tình yêu thương, tình người?
- Thực trạng xã hội hiện nay ra sao? Tình người có cần thiết không?
- Những dẫn chứng cụ thể mà em biết
- Tình cảm ấy đã mang đến những gì cho con người?
- Nếu xã hội không có tình thương giữa người với người sẽ như thế nào?
- Bài học em rút ra được cho bản thân là gì?
- ...

Hướng dẫn: Trước và sau khi làm bài, em hãy chú ý những yêu cầu cần có của một đoạn văn để định hướng làm bài cũng như kiểm tra, sửa chữa khi hoàn thành.

	Tiêu chí	Có
Hình thức	Viết đủ số chữ yêu cầu	
	Câu văn có sự liên kết	
	Trình bày sạch đẹp, không có lỗi về chính tả	
	Không tách dòng	
Nội dung	Câu mở/ kết đoạn thu hút	
	Giải thích được vấn đề trọng tâm	
	Nêu được thực trạng, tính cấp thiết của vấn đề	
	Đưa ra các dẫn chứng cụ thể, phù hợp	
	Nêu được những giá trị, lợi ích của vấn đề	
	Mở rộng: phản bác, nêu được mặt trái vấn đề	
	Liên hệ bản thân, rút ra bài học hợp lý	

